

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HS-ST  
Ngày 11-9-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Đỗ Huy Bảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm 1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Huy K, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con.

*Tiền án:* Tại bản án số 108/2014/HSST ngày 11/12/2014, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại.

*Tiền sự:* Không;

*Nhân thân:*

+ Ngày 13/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh (cai nghiện), thời hạn 12 tháng.

+ Tại Quyết định số 802 ngày 30/5/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 12 tháng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

\* Bị hại: Cháu Đình Hiếu A, sinh ngày 04/10/2009

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đình Văn T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Số A, đường X, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đình Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số A, đường X, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số X, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

- Anh Chu Đình T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/4/2018, Phạm Văn T một mình đi xe buýt từ nhà đến Trung tâm kiểm soát dịch bệnh cơ sở 2 tỉnh Bắc Giang ở ngách 25, ngõ 1009, đường L, tổ dân phố T, phường K, thành phố B để uống thuốc Methadol điều trị nghiện ma túy. Khoảng 09 giờ cùng ngày, sau khi uống thuốc Methadol xong, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân. T bắt xe buýt đi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang trên đường L thuộc địa bàn phường T, thành phố B. Khi đến nơi, T đi dọc theo hành lang các khoa khám chữa bệnh của Bệnh viện, mục đích xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến khu vực hành lang tầng 3 Khoa nội thận, tiết niệu, lọc máu thì thấy cháu Đặng A, sinh ngày 04/10/2009 đang ngồi một mình trên ghế đá tại hành lang sát cửa ra vào buồng cấp cứu. Lúc này, cháu A đang cầm trên tay 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Ximaomi Redmi Note 3, màu xám bạc, bên ngoài có ốp nhựa màu trắng đục mượn

của bố để là anh Đinh Văn T để chơi điện tử. T đi đến và hỏi mượn cháu A chiếc điện thoại nêu trên nhưng cháu A không đồng ý. Quan sát xung quanh không có ai để ý, T dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay cháu A rồi bỏ chạy ra khỏi Bệnh viện. Khi chạy đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường L – đường Hùng Vương, phường T, thành phố B, T thuê xe ôm của anh Chu Đình T đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Phương N ở số nhà X, đường L, phường T, thành phố B để bán điện thoại. Khi anh N hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại thì T nói đó là của T nhưng bị quên mật khẩu. Anh N kiểm tra, đồng ý mua với giá 700.000 đồng và tháo hai chiếc sim trong chiếc điện thoại ra đưa lại cho T. Số tiền bán chiếc điện thoại nêu trên, T khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04/4/2018, anh Đinh Văn T đã trình báo Công an thành phố B. Cùng ngày 04/4/2018, anh Nguyễn Phương N giao nộp cho Cơ quan điều tra di động nhãn hiệu Ximaomi Redmi Note 3, màu xám bạc, số Imei 860887030108152, có ốp nhựa màu đục.

Ngày 06/4/2018, Phạm Văn T đã đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp 01 áo sơ mi dài tay, kẻ sọc màu vàng đen; 01 đôi dép tông màu vàng. Đối với hai chiếc sim điện thoại, T khai đã vứt bỏ trên đường đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Cùng ngày 06/4/2018, bà Nguyễn Thị L là mẹ của T tự nguyện giao nộp 01 áo vải cộc tay màu xám, trên có chữ NIKE, màu xanh dương; 01 quần đùi màu đen; 01 mũ cối màu xanh.

Ngày 07/4/2018, Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Phương N nhận dạng nam thanh niên đã bán chiếc điện thoại Ximaomi Redmi Note 3, màu xám bạc cho anh N ngày 04/4/2018. Kết quả anh N nhận ra Phạm Văn T chính là người đã bán chiếc điện thoại nêu trên.

Ngày 07/4/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho cháu Đinh Hiếu A nhận dạng nam thanh niên đã cướp giật điện thoại ngày 04/4/2018. Kết quả cháu A nhận ra Phạm Văn T chính là người đã cướp giật chiếc điện thoại nêu trên.

Ngày 10/4/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho anh Chu Đình T nhận dạng nam thanh niên đã thuê anh Thực đi xe ôm từ khu vực ngã tư giao nhau giữa đường L – đường Hùng Vương đến cửa hàng điện thoại và đi đến khu vực Bệnh viện sản nhi tỉnh Bắc Giang ngày 04/4/2018. Kết quả anh Thực nhận ra Phạm Văn T chính là người đã thuê anh Thực đi xe ôm như đã nêu trên.

Ngày 01/5/2018, Cơ quan điều tra cho thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả Phạm Văn T đã thực hiện lại hành vi cướp giật tài sản như đã khai nhận tại cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 09/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Ximaomi Redmi note 3, màu xám bạc, số imel 860887030108152, đã qua sử dụng có giá trị là 1.400.000 đồng.

- 01 chiếc sim điện thoại Vinaphone số 0912086988 phí cấp đổi lại sim thẻ điện thoại là không Việt Nam đồng.

- Cấp đổi lại 01 chiếc sim điện thoại Vinaphone số 0914040566 phí cấp đổi lại sim thẻ điện thoại là không Việt Nam đồng.

Ngày 11/4/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Đinh Văn T chiếc điện thoại bị cướp giật. Đến nay, anh Thái không yêu cầu bồi thường dân sự. Đối với 02 chiếc sim điện thoại nêu trên anh Thái không có yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra, Bà Nguyễn Thị L là mẹ của T đã trả lại anh Nguyễn Phương N số tiền 700.000 đồng. Đến nay, anh N không yêu cầu bồi thường dân sự, bà Lành không yêu cầu T trả lại số tiền 700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 09 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” .

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/4/2018.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu vàng kẻ đen; 01 áo vải cộc tay màu xám trên ngực có chữ Nike; 01 đôi tông màu vàng; 01 quần đùi màu đen; 01 mũ cối màu xanh.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/4/2018, tại khu vực hành lang tầng 3 Khoa nội thận, tiết niệu, lọc máu thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Phạm Văn T đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Ximaomi Redmi note 3, màu xám bạc, số imel 860887030108152, trị giá 1.400.000 đồng của cháu Đinh Hiếu A, sinh ngày 04/10/2009. Do bị hại Đinh Hiếu A dưới 16 tuổi nên hành vi phạm tội của T đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã công khai chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân nên cần xử nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, hai lần bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật, cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan Công an. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác

động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với anh Nguyễn Phương N có hành vi mua chiếc điện thoại do Thành đem bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh N không vi phạm pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng: 01 áo sơ mi dài tay màu vàng kẻ đen; 01 áo vải cộc tay màu xám trên ngực có chữ Nike; 01 đôi tông màu vàng; 01 quần đùi màu đen; 01 mũ cối màu xanh của bị cáo đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2018.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu vàng kẻ đen; 01 áo vải cộc tay màu xám trên ngực có chữ Nike; 01 đôi tông màu vàng; 01 quần đùi màu đen; 01 mũ cối màu xanh.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**